

Chỉ số TT	GT cuối tháng	T2%	2T%
Việt Nam			
VNI	1,880.3	2.8	5.4
VN30	2,061.8	1.6	1.5
VN Mid	2,300.0	3.3	3.7
VN Small	1,517.4	1.6	2.8
HNI	262.8	2.6	5.6
HN30	576.5	0.9	7.1

GT vốn hoá cuối tháng (tỷ USD)	T1/26	T2/26
HSX	328.7	339.7
HNX	17.9	18.1
UPCOM	58.9	56.9
Tổng cộng	405.5	414.6

Thanh khoản (triệu USD)	T1/26	T2/26
GTGD TB/ngày (bao gồm thoả thuận)		
HSX	1,337.2	1,114.4
HNX	85.4	67.2
UPCOM	63.6	42.4
Tổng cộng	1,486.3	1,224.0

KN mua ròng	T1/26	T2/26
HSX	-228.1	-301.5
HNX	-3.3	2.2
UPCOM	-26.6	-2.4
Tổng cộng	-258.0	-301.6

Diễn biến các chỉ số ASEAN 4	T2%	2T%
Việt Nam (VNI)	2.8	5.4
Thái Lan (SET)	15.3	21.3
Philippines (PCOMP)	4.5	9.2
Indonesia (JCI)	-1.1	-4.8

P/E (trượt 12T)	T1/26	T2/26
Việt Nam (VNI)	16.4	16.9
Thái Lan (SET)	14.2	17.1
Philippines (PCOMP)	10.6	11.2
Indonesia (JCI)	20.8	20.6

Nguồn: Bloomberg, HSX, HNX

Đào Minh Quang

Chuyên viên

quang.dao@vietcap.com.vn

+84 24 6262 6999. Ext.365

Hoàng Thúy Lương

Trưởng phòng cao cấp

luong.hoang@vietcap.com.vn

+84 24 6262 6999. Ext.368

VN-Index tăng điểm trong tháng thứ 4 liên tiếp

VN-Index tăng 2,8% trong tháng 2. VN-Index tăng 2,8% so với tháng 1, đóng cửa ở mức 1.880,3 điểm, đánh dấu tháng tăng điểm thứ tư liên tiếp.

- VN-Index điều chỉnh trong nửa đầu tháng, chạm đáy tại 1.754,0 điểm vào ngày 10/02 (-4,1% tính từ đầu tháng). Đợt bán tháo này một phần do tâm lý tiêu cực bởi áp lực chốt lời trước Tết và tình trạng thiếu hụt thanh khoản tạm thời của hệ thống ngân hàng khiến lãi suất liên ngân hàng qua đêm tăng vượt 10%.

- Tuy nhiên, tâm lý thị trường đổi chiều trước kỳ nghỉ lễ. VN-Index đã tăng 4,0% trong ba phiên giao dịch trước Tết và nở rộng đà tăng thêm 3,1% sau kỳ nghỉ. Các yếu tố đã hỗ trợ cho thị trường bao gồm: (1) Lực cầu bắt đáy xuất hiện tại ngưỡng hỗ trợ 1.750 điểm; (2) Việc Mỹ áp mức thuế toàn cầu 10% - thay thế cho các mức thuế đối ứng cao hơn trước đó, giúp giảm mức thuế bổ sung đối với nhiều mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam từ 20% xuống 10%; (3) Lãi suất qua đêm hạ nhiệt, giảm xuống mức trung bình 4,3% sau Tết; và (4) Cổ phiếu VIC tăng mạnh 21,6%, đóng vai trò trụ đỡ cho chỉ số.

Trong 2 tháng đầu năm 2026 (2T 2026), VN-Index tăng 5,4%, vượt trội so với JCI của Indonesia (-4,8%), nhưng thấp hơn SET của Thái Lan (+21,3%) và PCOMP của Philippines (+9,2%).

Các nhóm ngành có sự phân hóa: Ngành Dầu khí (+21%) tiếp tục dẫn đầu, nhờ BSR (+39%) và PVD (+25%). Tiếp theo là ngành Bất động sản (+12%) với đà tăng từ VIC (+22%), KSF (+19%) và SSH (+30%). Ngành Bảo hiểm đứng thứ ba với mức tăng 8%, chủ yếu nhờ BVH (+16%). Ngược lại, ngành Công nghệ (-10%), Hàng tiêu dùng (-5%) và Tiện ích (-3%) là các ngành giảm điểm.

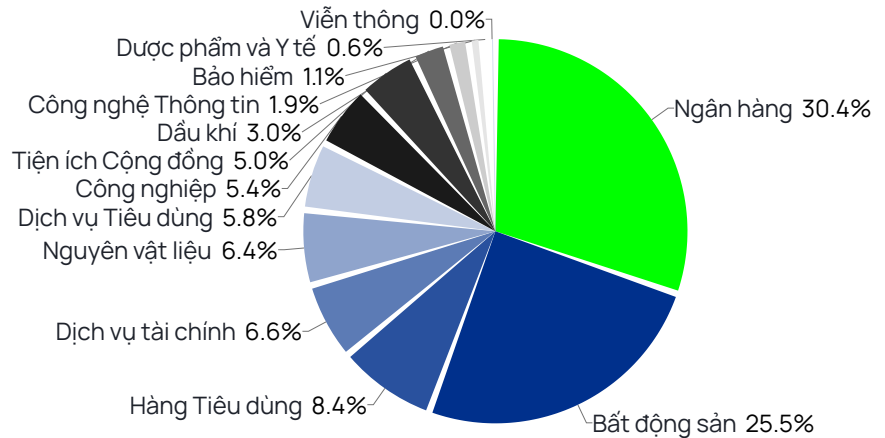
Thanh khoản giảm trong tháng 2: Giá trị giao dịch trung bình ngày (GTGD TB) giảm 16,7% trên sàn HSX (đạt 1,1 tỷ USD) và giảm 17,6% trên tổng cả 3 sàn (đạt 1,2 tỷ USD). Tuy nhiên, thanh khoản từ đầu năm đến nay vẫn rất khả quan với GTGD TB 2T 2026 trên tổng cả 3 sàn tăng gấp 2,3 lần so với cùng kỳ.

Khối ngoại bán ròng tháng thứ 2 liên tiếp: Khối ngoại bán ròng 301,6 triệu USD trên cả ba sàn trong tháng 2, bao gồm bán ròng 301,5 triệu USD trên HSX, 2,4 triệu USD trên UPCoM và mua ròng 2,2 triệu USD trên HNX. Khối ngoại bán ròng chủ yếu tại FPT (-318,2 triệu USD), VCB (-111,5 triệu USD) và VNM (-78,0 triệu USD), trong khi mua ròng chủ yếu tại HPG (+177,7 triệu USD), MBB (+110,9 triệu USD) và BSR (+41,8 triệu USD). Trong 2T 2026, giá trị bán ròng của khối ngoại đạt 559,6 triệu USD so với mức bán ròng 638,7 triệu USD ghi nhận cùng kỳ. Trong 2T 2026, khối ngoại cũng bán ròng trên JCI của Indonesia (-568 triệu USD), trong khi mua ròng trên SET của Thái Lan và PCOMP của Philippines (lần lượt +1,9 tỷ USD và +370 triệu USD).

Triển vọng: Mặc dù căng thẳng leo thang giữa Mỹ, Israel và Iran tạo ra rủi ro nhất định, chúng tôi vẫn giữ vững quan điểm lạc quan về triển vọng kinh tế vĩ mô trong nước. Chỉ số PMI mới nhất cho thấy sản lượng ngành sản xuất đã chạm mức cao nhất trong 19 tháng nhờ lượng đơn đặt hàng mới tăng mạnh. Bên cạnh đó, tâm lý nhà đầu tư có thể được củng cố nhờ kỳ rà soát giữa kỳ của FTSE Russell vào tháng 3/2026. Với việc Thông tư 08/2026/TT-BTC chính thức được áp dụng từ ngày 3/2, chúng tôi tin rằng cơ quan quản lý đã có những điều chỉnh cần thiết để vận hành "Mô hình Môi giới Toàn cầu" (Global Broker Model) - một yếu tố then chốt để hỗ trợ việc mô phỏng chỉ số hiệu quả. Về mặt định giá, VN-Index kết thúc tháng 2 với mức P/E trượt 16,9 lần. Mức định giá này khá hấp dẫn so với chỉ số JCI của Indonesia (20,6 lần), tương đương với SET của Thái Lan (17,1 lần), dù vẫn cao hơn so với PCOMP của Philippines (11,2 lần).

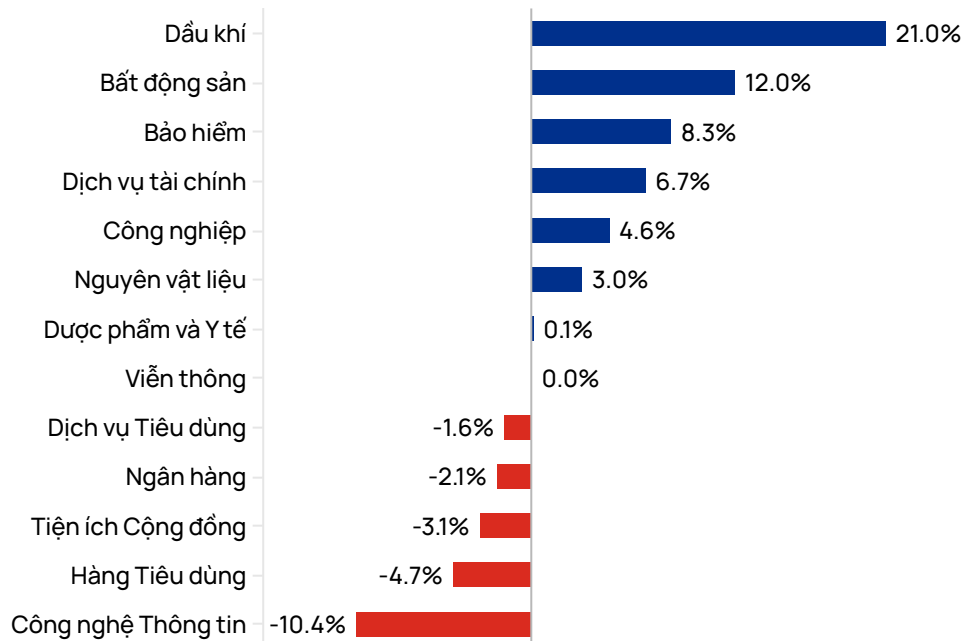
Thị trường Việt Nam

Hình 1: Cơ cấu giá trị vốn hoá thị trường Việt Nam theo ngành trong tháng 02/2026



Nguồn: Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), FiinPro, Vietcap

Hình 2: Biến động giá cổ phiếu theo nhóm trong tháng 02/2026



Nguồn: HSX, HNX, FiinPro, Vietcap

Lưu ý: Phân loại ngành của ICB

GAS được xếp vào nhóm Tiện ích thay vì Dầu khí GAS là công ty phân phối khí.

** Dịch vụ Tài chính không bao gồm ngân hàng, bảo hiểm và bất động sản.*

Hình 3: Các mã tăng mạnh nhất trong tháng 02/2026

Mã	Sàn	Vốn hoá (triệu USD)	Tỉ trọng%	Giá hiện tại (VNĐ)	So với tháng trước%Δ
HSX (giá trị vốn hoá tối thiểu 50 triệu USD)					
HRC Nguyên vật liệu	HSX	56	0.02%	48,450	62%
BFC Nguyên vật liệu	HSX	162	0.05%	73,600	54%
VVS Hàng Tiêu dùng	HSX	101	0.03%	121,900	51%
BSR Dầu khí	HSX	6,009	1.77%	31,200	39%
PET Dịch vụ Tiêu dùng	HSX	169	0.05%	41,200	29%
HNX (giá trị vốn hoá tối thiểu 25 triệu USD)					
TNG Hàng Tiêu dùng	HNX	126	0.70%	25,500	23%
KSF Bất động sản	HNX	2,897	16.01%	83,700	19%
DXP Công nghiệp	HNX	30	0.16%	12,900	18%
PVC Dầu khí	HNX	53	0.29%	17,000	18%
S55 Công nghiệp	HNX	25	0.14%	65,700	10%

Nguồn: HSX, HNX, Vietcap

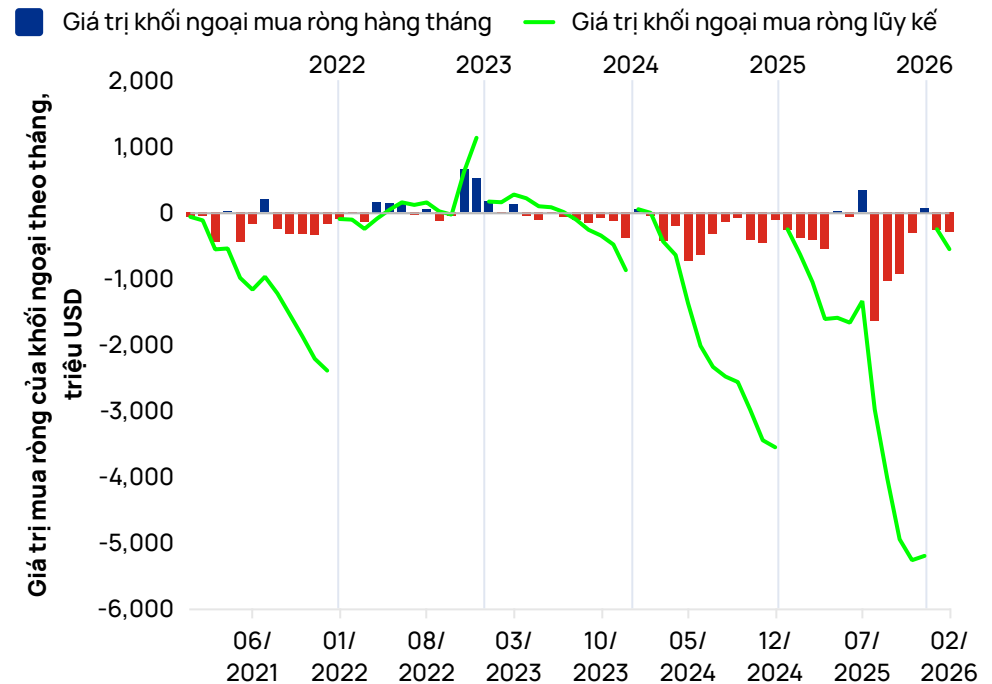
Hình 4: Các mã giảm mạnh nhất trong tháng 02/2026

Mã	Sàn	Vốn hoá (triệu USD)	Tỉ trọng%	Giá hiện tại (VNĐ)	So với tháng trước%Δ
HSX (giá trị vốn hoá tối thiểu 50 triệu USD)					
TDP Công nghiệp	HSX	105	0.03%	29,050	-19%
ELC Công nghệ Thông tin	HSX	86	0.03%	20,400	-16%
MCH Hàng Tiêu dùng	HSX	7,020	2.07%	141,000	-11%
BID Ngân hàng	HSX	12,936	3.81%	47,900	-11%
FPT Công nghệ Thông tin	HSX	6,087	1.79%	92,900	-11%
HNX (giá trị vốn hoá tối thiểu 25 triệu USD)					
KSV Nguyên vật liệu	HNX	1,408	7.78%	183,000	-21%
HGM Nguyên vật liệu	HNX	99	0.55%	205,000	-18%
TFC Hàng Tiêu dùng	HNX	26	0.14%	40,500	-16%
L40 Công nghiệp	HNX	28	0.15%	66,900	-13%
SJE Công nghiệp	HNX	27	0.15%	17,800	-12%

Nguồn: HSX, HNX, Vietcap

Hoạt động của khối ngoại

Hình 5: Giá trị mua ròng của khối ngoại theo tháng, triệu USD



Nguồn: HSX, HNX, Vietcap

Hình 6: Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng mạnh nhất trong tháng 02/2026

Khối ngoại bán ròng triệu USD

-318.2	FPT
-111.5	VCB
-78.0	VNM
-44.9	VIC
-42.3	ACB
-38.0	VHM
-22.0	VRE
-16.2	SSI
-14.2	CTG
-14.0	BCM

Khối ngoại mua ròng triệu USD

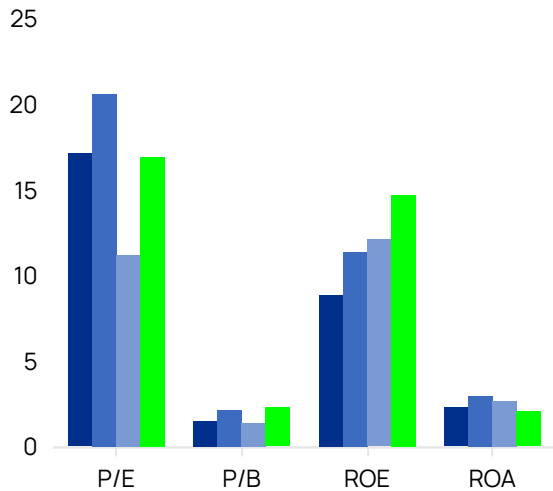
177.7	HPG
110.9	MBB
41.8	BSR
31.2	GMD
23.1	DGC
16.4	STB
12.4	DCM
11.4	TCX
11.1	KDH
11.0	PVD

Nguồn: HSX, HNX, Vietcap

Việt Nam và một số thị trường lân cận

Hình 7: Các chỉ số chính trong nhóm ASEAN - Các dữ liệu và định giá chính (tính đến cuối tháng 02/2026)

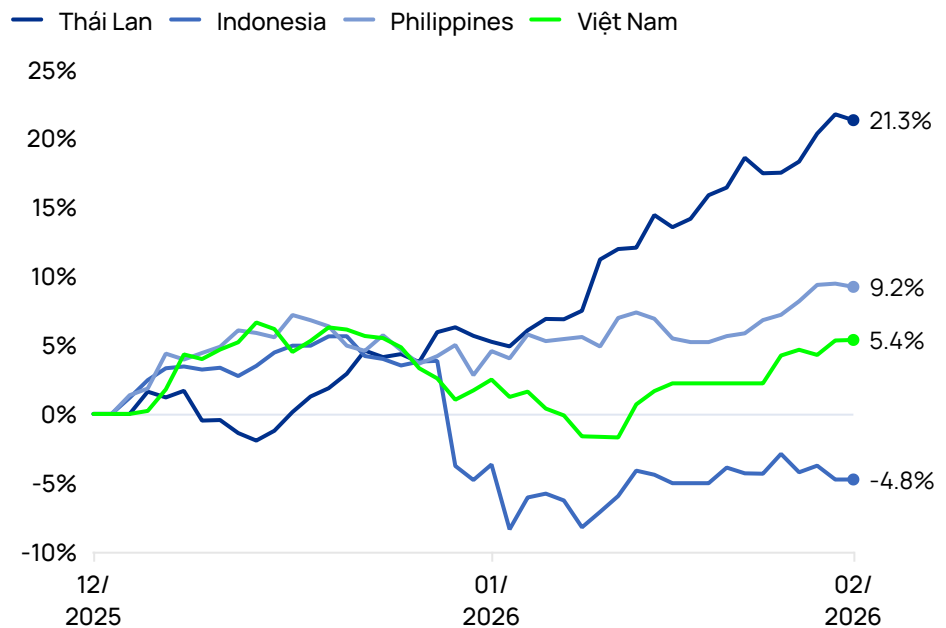
■ Thái Lan
 ■ Indonesia
 ■ Philippines
 ■ Việt Nam



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VNINDEX Index
P/E (trượt)	17.1	20.6	11.2	16.9
P/B	1.5	2.1	1.4	2.3
ROE	8.8%	11.4%	12.1%	14.7%
ROA	2.3%	2.9%	2.6%	2.0%
GT vốn hoá (tỷ USD)	619	871	338	336
Khối ngoại mua ròng - tính từ đầu năm (triệu USD)	1,883	-568	370	-530
Khối ngoại mua ròng - tính từ đầu tháng (triệu USD)	1,743	21	144	-301
Lợi suất Trái phiếu Chính phủ 5 năm	1.15%	5.78%	5.48%	3.75%

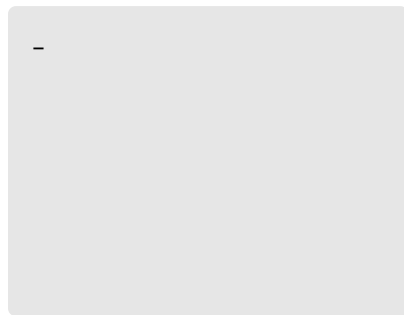
Nguồn: Bloomberg, FiinPro, HSX, Vietcap

Hình 8: Diễn biến các chỉ số chính trong khu vực (tính theo đồng tiền từng quốc gia)



Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Báo cáo cập nhật



FPT - Doanh thu ký mới mảng CNTT nước ngoài phục hồi nhờ khu vực APAC từ nửa cuối năm 2025; triển vọng nhu cầu CNTT trong nước năm 2026 khả quan - Báo cáo Gặp gỡ NĐT

1. Dịch vụ CNTT nước ngoài:

* **Xu hướng nhu cầu:** Phần lớn sự phục hồi của doanh thu ký mới mảng CNTT nước ngoài năm 2025 tập trung trong quý 4, chủ yếu đến từ khu vực APAC (đặc biệt là Singapore). Sự phục hồi này sẽ hỗ trợ doanh thu báo ...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

ACG: Công ty Cổ phần Gỗ An Cường

Chuyên viên

Huy Hoang

Stock Performance

02/2026	+1.5%
2M 2026	+2.0%

ACG - Kết quả lợi nhuận cốt lõi phù hợp với kỳ vọng, nhưng lợi nhuận báo cáo lại thấp hơn dự kiến do khoản trích lập nợ xấu bất ngờ trong quý 4 - Báo cáo KQKD

CTCP Gỗ An Cường (ACG) đã công bố KQKD quý 4/2025 như sau:

- Doanh thu thuần: 1.668 tỷ đồng (+42% QoQ, +37% YoY)
- LNST sau lợi ích CĐTS: 146 tỷ đồng (+8% QoQ, +62% YoY)
- LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi: 215 tỷ đồng (+51% QoQ, +18% YoY)

KQKD năm 202...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

ACV: Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP

Chuyên viên

Nguyễn Thị Ngọc Hân

Stock Performance

02/2026	-2.7%
2M 2026	+8.0%

ACV - Hoạt động kinh doanh cốt lõi bền vững, lợi nhuận từ hoạt động khai thác tài sản KCHTHK chịu tác động từ chi phí sửa chữa tài sản tăng mạnh trong quý 4; KQKD 2025 nhìn chung phù hợp dự báo - Báo cáo KQKD

- Quý 4/2025 - Hoạt động kinh doanh cốt lõi bền vững bị ảnh hưởng bởi chi phí bảo dưỡng tăng mạnh:

+ Doanh thu: 6,8 nghìn tỷ đồng (+19% YoY; +5% QoQ);

+ LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo: 3,1 nghìn tỷ...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

BID: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chuyên viên

Quan Vu

Stock Performance

02/2026	-11.1%
2M 2026	+23.1%

BID - Lợi nhuận vượt kỳ vọng nhờ NIM phục hồi mạnh - Báo cáo KQKD

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID) công bố KQKD năm 2025 với tổng thu nhập từ HĐKD (TOI) đạt 91,3 nghìn tỷ đồng (+12,6% YoY) và LNTT đạt 37,9 nghìn tỷ đồng (+18,0% YoY), lần lượt hoàn thành 109% và 112% dự báo cả năm của chúng tôi. LNTT quý 4/2025 tăng trưởng mạnh, đạt 14,2 nghìn tỷ đồng (+87,4% QoQ, +41,9% YoY) và RO...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

BMI: Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

Chuyên viên
Ngoc Huynh

Stock Performance

02/2026	-0.8%
2M 2026	+5.5%

BMI - Lợi nhuận thấp hơn kỳ vọng do doanh thu ghi nhận mức tăng trưởng yếu trong quý 4, chi phí trích lập dự phòng nợ xấu tăng mạnh - Báo cáo KQKD

Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh (BMI) đã công bố KQKD năm 2025 với doanh thu phí bảo hiểm gộp đạt 6,8 nghìn tỷ đồng (+2% YoY) và LNTT đạt 306 tỷ đồng (+12% YoY, hoàn thành 70% dự báo năm tài chính 2025 của chúng tôi). LNTT quý 4/2025 đạt 3 tỷ đồng (-97% Qo...). Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

BVH: Tập đoàn Bảo Việt

Chuyên viên
Ngoc Huynh

Stock Performance

02/2026	+16.2%
2M 2026	+42.8%

BVH - Mức dự phòng kỹ thuật thấp hơn, và mức tăng mạnh của thu nhập tài chính giúp hỗ trợ đà tăng trưởng của lợi nhuận - Báo cáo KQKD

Tập đoàn Bảo Việt (BVH) đã công bố KQKD hợp nhất năm 2025 với doanh thu phí bảo hiểm gộp đạt 44,1 nghìn tỷ đồng (+3% YoY) và LNTT đạt 3,7 nghìn tỷ đồng (+40% YoY), hoàn thành lần lượt 95% và 110% dự báo năm tài chính 2025 của chúng tôi. LNTT quý 4/2025 đạt 1,1 nghìn ... Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

CTG: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam

Chuyên viên
Quan Vu

Stock Performance

02/2026	-1.3%
2M 2026	+7.0%

CTG - Lợi nhuận năm 2025 tăng trưởng lợi mạnh nhờ chất lượng tài sản cải thiện đáng kể - Báo cáo KQKD

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (CTG) công bố KQKD năm 2025 với tổng thu nhập từ HĐKD (TOI) đạt 87,3 nghìn tỷ đồng (+6,6% YoY) và LNTT đạt 43,4 nghìn tỷ đồng (+36,8% YoY), lần lượt hoàn thành 102% và 115% các dự báo cả năm của chúng tôi. LNTT quý 4/2025 đạt mức cao kỷ lục 13,9 nghìn tỷ đồng (+... Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

DGC: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang

Chuyên viên
Han Nguyen

Stock Performance

02/2026	+7.6%
2M 2026	+7.7%

DGC - Biên lợi nhuận giảm trong quý 4 ảnh hưởng lợi nhuận; kết quả năm 2025 thấp hơn kỳ vọng - Báo cáo KQKD

• KQKD quý 4/2025:

+ Mặc dù doanh thu đạt 2,7 nghìn tỷ đồng (+13% YoY; -3% QoQ), DGC ghi nhận kết quả LNST sau lợi ích CĐTS yếu hơn dự kiến ở mức 622 tỷ đồng (-17% YoY/QoQ).

+ Biên lợi nhuận gộp giảm mạnh xuống 26,1% (-10,5 điểm % YoY; -5,0 điểm % QoQ). DGC cho biết sự thu hẹp BLNG là do chi p...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

DPG: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương

Chuyên viên
Phạm Phú Lộc

Stock Performance

02/2026	+6.2%
2M 2026	+25.9%

DPG - Ghi nhận doanh số BĐS chậm hơn so với kỳ vọng, tiềm năng điều chỉnh giảm - Báo cáo KQKD

• CTCP Tập đoàn Đạt Phương (DPG) công bố KQKD quý 4/2025 với doanh thu thuần đạt 1,6 nghìn tỷ đồng (+13% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 117 tỷ đồng (+19% YoY). Mức tăng trong doanh thu chủ yếu đến từ (1) mảng năng lượng tăng trưởng 13% YoY khi sản lượng thủy điện đạt mức cao trong năm nay, (2) m...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

DXG: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh

Chuyên viên cao cấp
Phạm Nhật Anh

Stock Performance

02/2026	-1.9%
2M 2026	-11.7%

DXG – Lợi nhuận sụt giảm mạnh trong quý 4/2025 do số lượng bàn giao tại GSW thấp hơn và chi phí SG&A tăng vọt – Báo cáo KQKD

• CTCP Tập đoàn Đất Xanh (DXG) công bố KQKD quý 4/2025 với doanh thu đạt 1,4 nghìn tỷ đồng (-10% YoY, +35% QoQ) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 6 tỷ đồng (-96% YoY, -93% QoQ). Chúng tôi cho rằng mức giảm mạnh trong lợi nhuận chủ yếu đến từ (1) doanh thu phát triển BĐS thấp hơn d...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

GMD: Công ty Cổ phần Gemadept

Chuyên viên
Huy Hoang

Stock Performance

02/2026	+23.2%
2M 2026	+38.4%

GMD - LNST cốt lõi năm 2025 vượt dự báo 17% nhờ KQKD Q4 cao vượt trội; tiềm năng tăng dự phóng - Báo cáo KQKD

CTCP Gemadept (GMD) công bố KQKD Q4 2025 như sau:

- Doanh thu: 1.614 tỷ đồng (+3% QoQ, +14% YoY)
- LNST sau lợi ích CĐTS: 513 tỷ đồng (+63% QoQ, +119% YoY)
- LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi: 648 tỷ đồng (+61% QoQ, +29% YoY)

KQKD năm 2025:

- Doanh thu: 5.946 tỷ đồng (+23% YoY; đạt 100% dự báo 2025 của chúng...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

HDG: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô

Chuyên viên
Tuan Do

Stock Performance

02/2026	-0.5%
2M 2026	+0.0%

HDG - Lượng bàn giao tại Charm Villas ghi nhận ở mức tương đối hạn chế, rủi ro giảm đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 - Báo cáo KQKD

Chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo năm 2026 của chúng tôi (1,3 nghìn tỷ đồng, +85% YoY) do doanh số bán và tiến độ bàn giao tại Charm Villas có thể thấp hơn kỳ vọng (hiện chúng tôi dự báo khoảng 38 căn),...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

HPG: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Chuyên viên
Huy Hoang

Stock Performance

02/2026	+7.5%
2M 2026	+9.1%

HPG – Lợi nhuận năm 2025 thấp hơn một chút so với dự báo; rủi ro điều chỉnh giảm nhẹ cho dự báo năm 2026 – Báo cáo KQKD

CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG) công bố KQKD năm 2025 như sau:

- Doanh thu thuần: 156,1 nghìn tỷ đồng (+12% YoY; 103% dự báo năm 2025 của chúng tôi).
- LNST sau lợi ích CĐTS: 15,5 nghìn tỷ đồng (+29% YoY; 97% dự báo năm 2025 của chúng tôi).
- Sản lượng bán hàng các sản phẩm chủ lực năm 2025...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

HSG: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Chuyên viên

Huy Hoang

Stock Performance

02/2026	+0.3%
2M 2026	+2.5%

HSG - Lợi nhuận Q1 năm tài chính 2026 tiếp tục yếu, giảm cả QoQ và YoY; rủi ro điều chỉnh giảm dự báo - Báo cáo KQKD

CTCP Tập đoàn Hoa Sen (HSG) công bố KQKD Q1 năm tài chính 2026 như sau:

- Doanh thu thuần: 8,4 nghìn tỷ đồng (đi ngang QoQ, -18% YoY; đạt 19% dự báo FY2026 của chúng tôi)
- LNST sau lợi ích CĐTS: 62 tỷ đồng (-26% QoQ, -62% YoY; đạt 11% dự báo FY2026 của chúng tôi)
- LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi ...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

HVN: Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP

Chuyên viên

Nguyễn Thị Ngọc Hân

Stock Performance

02/2026	+2.4%
2M 2026	+10.8%

HVN - Biên lợi nhuận thu hẹp ảnh hưởng đến KQKD quý 4/2025; kết quả cả năm thấp hơn kỳ vọng - Báo cáo KQKD

- KQKD quý 4/2025:

+ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (HVN) công bố doanh thu quý 4/2025 đạt 32,3 nghìn tỷ đồng (+6% QoQ; +21% YoY), trong khi LNST sau lợi ích CĐTS giảm xuống 428 tỷ đồng (-31% QoQ; -54% YoY).

+ Sự phân hóa này chủ yếu đến từ biên lợi nhuận bị thu hẹp mạnh, với biên lợi nhuận g...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

MWG: Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

Chuyên viên

Vinh Bui

Stock Performance

02/2026	+0.2%
2M 2026	+5.3%

MWG - Mục tiêu 2026 tham vọng, Điện Máy Xanh đón đầu nhu cầu ICT gia tăng, Bách Hóa Xanh mở rộng cửa hàng và biên lợi nhuận - Báo cáo Gặp gỡ NĐT

Kế hoạch kinh doanh năm 2026:

- Doanh thu: 185,0 nghìn tỷ đồng (+18% YoY), LNST: 9,2 nghìn tỷ đồng (+30% YoY).
- Điện Máy Xanh (ĐMX) dự kiến đóng góp khoảng 65% doanh thu và khoảng 80% LNST; Bách Hóa Xanh (BHX) đóng góp khoảng 30% doanh thu và khoảng 20% LNST.
- Vốn...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

NKG: Công ty Cổ phần Thép Nam Kim

Chuyên viên

Huy Hoang

Stock Performance

02/2026	+3.9%
2M 2026	+6.4%

NKG - Q4 ghi nhận lỗ ròng do doanh thu suy yếu và biên lợi nhuận bị thu hẹp; rủi ro điều chỉnh giảm dự phóng - Báo cáo KQKD

CTCP Thép Nam Kim (NKG) công bố KQKD năm 2025 như sau:

- Doanh thu thuần: 14,8 nghìn tỷ đồng (-28% YoY; đạt 75% dự báo 2025F của chúng tôi)
- LNST sau lợi ích CĐTS: 197 tỷ đồng (-56% YoY; đạt 45% dự báo 2025F của chúng tôi)
- LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi: 84 tỷ đồng (-81% YoY; đạt 19%...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

NLG: Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long

Chuyên viên

Thục Than

Stock Performance

02/2026	-5.4%
2M 2026	-8.5%

NLG - Ban lãnh đạo duy trì kế hoạch tăng trưởng doanh số bán hàng tích cực cho năm 2026; lãi suất tăng trong ngắn hạn có tác động không đáng kể - Báo cáo Gặp gỡ NĐT

Chúng tôi đã tham dự cuộc họp gặp gỡ chuyên viên phân tích của CTCP Đầu tư Nam Long (NLG) vào ngày 4/2. Các thảo luận tập trung vào kế hoạch doanh số bán hàng và triển vọng lợi nhuận năm 2026, kế hoạch mở rộng quỹ đất và quan điểm của b...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

NT2: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Chuyên viên

Phạm Phú Lộc

Stock Performance

02/2026	+5.5%
2M 2026	+14.0%

NT2 [MUA +22,4%] - Giá khí thấp, sản lượng ở mức cao, hợp đồng Qc thuận lợi thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận - Cập nhật

- Chúng tôi điều chỉnh tăng 5,9% giá mục tiêu đối với CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) lên 30.300 đồng/CP, chủ yếu do dự báo tổng LNST báo cáo giai đoạn 2026-30 tăng 10% (điều chỉnh lần lượt +11%/+25%/+5%/+2%/+10% cho từng năm).

- Nguyên nhân cho mức tăng trong dự báo tổng L...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

PC1: Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Chuyên viên

Tuan Do

Stock Performance

02/2026	+24.6%
2M 2026	+33.7%

PC1 - LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo trong quý 4 tăng mạnh 9 lần YoY nhờ mảng xây lắp điện, bán BĐS và thoái vốn - Báo cáo KQKD

Chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo năm 2026 (hiện tại là 873 tỷ đồng, -17% YoY) do các yếu tố tích cực hơn kỳ vọng: (1) biên lợi nhuận gộp mảng xây lắp điện cao hơn, (2) giá bán niken trung bình có khả năng cao...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

PC1: Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Chuyên viên

Tuan Do

Stock Performance

02/2026	+24.6%
2M 2026	+33.7%

PC1 [MUA +26,0%] - Mảng xây lắp điện bước vào giai đoạn tăng trưởng, giá bán niken khả quan - Cập nhật

- Chúng tôi nâng giá mục tiêu thêm 13,0% lên 30.500 đồng/cổ phiếu và duy trì khuyến nghị MUA.

- Giá mục tiêu cao hơn chủ yếu do chúng tôi điều chỉnh tăng 10,0% tổng LNST sau lợi ích CĐTS dự phóng giai đoạn 2026-2030.

- Mức tăng tổng LNST sau lợi ích CĐTS giai đoạn 2026-2030 (tương ứng +35%/-6%/-1%/+...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

PHR: Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa

Chuyên viên cao cấp

Phạm Nhật Anh

Stock Performance

02/2026	-1.9%
2M 2026	+7.9%

PHR - Lợi nhuận quý 4/2025 giảm do thu nhập bồi thường thấp hơn, trong khi lợi nhuận cả năm 2025 vẫn duy trì đà tăng- Báo cáo KQKD

- CTCP Cao su Phước Hòa (PHR) công bố KQKD quý 4/2025 với doanh thu đạt 499 tỷ đồng (-20% YoY; -19% QoQ) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 67 tỷ đồng (-70% YoY; -74% QoQ). Chúng tôi cho rằng mức giảm YoY trong lợi nhuận chủ yếu đến từ (1) thu nhập bồi thường thấp hơn (không gh...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

PLC: Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - Công ty Cổ phần

Chuyên viên
Phuoc Duong

Stock Performance

02/2026	+1.8%
2M 2026	+37.2%

PLC - Lợi nhuận quý 4 giảm do trích lập dự phòng một lần và biên lợi nhuận mỏng hóa chất giảm, một phần bù đắp bởi mức lợi nhuận gấp đôi của mảng nhựa đường - Báo cáo KQKD

- Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex (PLC) công bố KQKD quý 4/2025 với doanh thu đạt 2,0 nghìn tỷ đồng (-6% YoY) và ghi nhận khoản lỗ sau thuế 85 tỷ đồng (so với mức lãi 20 tỷ đồng trong quý 4/2024). Mức giảm trong kết quả lợi nhuận c...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

POW: Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

Chuyên viên
Loc Pham

Stock Performance

02/2026	+5.5%
2M 2026	+14.2%

POW - LNST sau lợi ích CĐTTS quý 4 tăng gấp 11 lần YoY, LNST báo cáo năm 2025 hoàn thành 109% dự báo 2025, tiềm năng tăng dự báo - Báo cáo KQKD

Chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ đối với dự báo LNST năm 2026 nhờ lợi nhuận dự kiến cao hơn từ NT2 và tiềm năng tăng đối với dự báo LNST dài hạn (do giá khí LNG đầu vào cho Nhơn Trạch 3 & 4 dự kiến thấp hơn kỳ vọng với hợp đồng dài hạn từ GA...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

PVD: Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí

Chuyên viên
Dương Tấn Phước

Stock Performance

02/2026	+24.5%
2M 2026	+36.2%

PVD - LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 4 tăng 56% YoY nhờ mảng khoan và dịch vụ giếng khoan tích cực; cao hơn một chút so với dự báo - Báo cáo KQKD

- Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD) báo cáo KQKD quý 4/2025 tích cực với doanh thu đạt 167,1 triệu USD (+49% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo đạt 14,0 triệu USD (+61% YoY). LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi tăng 56% YoY lên 10,3 triệu USD. ...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

PVD: Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí

Chuyên viên
Dương Tấn Phước

Stock Performance

02/2026	+24.5%
2M 2026	+36.2%

PVD - Nhu cầu khoan toàn cầu gia tăng; mở rộng đội giàn khoan dự kiến thúc đẩy lợi nhuận - Báo cáo Gặp gỡ NĐT

Quan điểm của chúng tôi: Chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng đối với dự báo hiện tại. Bên cạnh việc LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo và LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi năm 2025 lần lượt hoàn thành 116% và 103% dự báo cả năm của chúng tôi, hiện chúng tôi nhận thấy thêm tiềm năng điều chỉnh...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

REE: Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh

Chuyên viên

Tuan Do

Stock Performance

02/2026	+1.1%
2M 2026	+2.9%

REE [MUA +27,1%] - Tiếp tục đẩy mạnh mở rộng mảng điện gió, mảng thủy điện tích cực - Cập nhật

- Chúng tôi điều chỉnh giảm 2,9% giá mục tiêu cho CTCP Cơ Điện Lạnh (REE) nhưng vẫn duy trì khuyến nghị MUA.

- Chúng tôi điều chỉnh giảm giá mục tiêu do (1) định giá mảng thủy điện giảm 6% (dựa theo mức giảm 1% trong dự báo tổng LNST giai đoạn 2026-30 của mảng thủy điện do dự báo LNST của VSH giảm 4%), và ...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

SSI: Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Chuyên viên

Nga Ho

Stock Performance

02/2026	+4.0%
2M 2026	+7.1%

SSI - Thị phần môi giới tiếp tục tăng - Báo cáo KQKD

CTCP Chứng khoán SSI (SSI) công bố KQKD hợp nhất năm 2025 với LNTT đạt 5,1 nghìn tỷ đồng (+43% YoY), hoàn thành 102% dự báo hợp nhất của chúng tôi. Kết quả lợi nhuận được hỗ trợ bởi sự tăng trưởng doanh thu ở hầu hết các mảng kinh doanh, được thúc đẩy bởi điều kiện thị trường thuận lợi và sự cải thiện đáng kể trong hiệu quả vận hành. Nhìn chung,

...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

TLG: Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

Chuyên viên

Han Nguyen

Stock Performance

02/2026	+5.8%
2M 2026	+9.7%

TLG - Lãi bất thường thúc đẩy KQKD quý 4 tăng mạnh, dù lợi nhuận năm tài chính 2025 thấp hơn kỳ vọng - Báo cáo KQKD

• KQKD quý 4/2025:

Doanh thu tăng 12% YoY trong khi LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo tăng mạnh +89% YoY, đạt 74 tỷ đồng. Lợi nhuận báo cáo được thúc đẩy đáng kể từ 42,2 tỷ đồng khoản lãi một lần do bán tài sản BĐS không còn sử dụng tại Hà Nội. Chúng tôi ước tính LNST sau lợi ích CĐTS cốt

...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

TPB: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong

Chuyên viên

Nga Ho

Stock Performance

02/2026	+7.0%
2M 2026	+7.6%

TPB - Chất lượng tài sản cải thiện, lợi nhuận vượt kỳ vọng của chúng tôi - Báo cáo KQKD

Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPB) đã công bố KQKD năm 2025 với thu nhập từ HĐKD (TOI) đạt 18,8 nghìn tỷ đồng (+4,2% YoY) và LNTT đạt 9,2 nghìn tỷ đồng (+21,2% YoY), lần lượt hoàn thành 101% và 109% dự báo cả năm của chúng tôi. So với cùng kỳ quý trước, TOI và LNTT quý 4/2025 tăng lần lượt 18,3% và 65,9% QoQ, nhờ t...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

TV2: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

Chuyên viên

Loc Pham

Stock Performance

02/2026	+15.7%
2M 2026	+16.8%

TV2 - LNST sau lợi ích CĐTS quý 4 tăng mạnh 77% YoY, LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo năm 2025 hoàn thành 139% dự báo năm 2025 của chúng tôi - Báo cáo KQKD

• CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 2 (TV2) đã công bố KQKD quý 4/2025 với doanh thu thuần đạt 537 tỷ đồng (+21% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 49 tỷ đồng (+77% YoY). Mức tăng mạnh này của doanh thu chủ yếu đến từ mức tăng trưởng mạnh của doanh th...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

VCB: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam

Chuyên viên

Quan Vu

Stock Performance

02/2026	-7.9%
2M 2026	+12.9%

VCB - Kết quả quý 4 khả quan với NIM cải thiện đáng kể - Báo cáo KQKD

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố KQKD năm 2025 với tổng thu nhập từ HĐKD (TOI) đạt 72,4 nghìn tỷ đồng (+5,5% YoY) và LNTT đạt 44,0 nghìn tỷ đồng (+4,2% YoY), hoàn thành 100% các dự báo năm 2025 tương ứng của chúng tôi. Kết quả này tương ứng với LNTT quý 4/2025 đạt 10,9 nghìn tỷ đồng (-3,1% QoQ, +1,7% YoY) và ROE...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

VHC: Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn

Chuyên viên

Nguyễn Thảo Nguyên

Stock Performance

02/2026	-4.9%
2M 2026	+9.6%

VHC - Kết quả quý 4 thấp hơn kỳ vọng và sự sụt giảm thu nhập tài chính gây áp lực lên lợi nhuận năm 2025 - Báo cáo KQKD

* CTCP Vĩnh Hoàn (VHC) đã công bố KQKD năm 2025 với doanh thu đạt 12,0 nghìn tỷ đồng (-4% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 1,4 nghìn tỷ đồng (+13% YoY), lần lượt hoàn thành 100% và 90% dự báo cả năm của chúng tôi. Mặc dù kết quả doanh thu nhìn chung phù hợp với kỳ vọng, nhưng kết...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

VNM: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Chuyên viên cao cấp

Bùi Xuân Vinh

Stock Performance

02/2026	-3.4%
2M 2026	+11.4%

VNM - Mục tiêu tăng trưởng sơ bộ một chữ số, chi phí SG&A cao hơn cho các chiến dịch marketing trong năm 2026 - Báo cáo Gặp gỡ HĐQT

Chúng tôi đã tham dự cuộc gặp gỡ nhà đầu tư của CTCP Sữa Việt Nam (VNM) vào thứ Sáu, ngày 06/02. Nhìn chung, chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng đối với dự báo hiện tại của chúng tôi (tăng trưởng doanh thu 3% và LNST sau lợi ích CĐTS đi ngang YoY trong năm 2026...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

VTP: Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel

Chuyên viên

Nguyen Nguyen

Stock Performance

02/2026	-3.6%
2M 2026	+8.5%

VTP - Lợi nhuận năm 2025 ổn định nhờ động lực tăng trưởng bền vững từ thương mại điện tử - Báo cáo KQKD

KQKD năm 2025: Doanh thu thuần đạt 21 nghìn tỷ đồng (+1% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 405 tỷ đồng (+6% YoY), lần lượt hoàn thành 125% và 99% dự báo cả năm của chúng tôi. Doanh thu thuần vượt kỳ vọng nhờ mảng thương mại mạnh hơn dự kiến, trong khi doanh thu mảng dịch vụ cốt lõi phù hợp với dự...

Vui lòng tham khảo thêm thông tin chi tiết [tại đây](#).

Danh mục các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	GT VH (triệu USD)	ADTV 30N (triệu USD)	Room NN (triệu USD)	Tăng trưởng EPS		P/E		Cổ túc/CP (VNĐ)	Lợi suất cổ tức (%) theo giá đóng mở	Tỷ lệ tăng (%)	Giá mục tiêu (VNĐ)	Khuyến nghị
84													
Cập nhật 27/02/2026		Hiện tại	Hiện tại	Hiện tại	2026F	2027F	2026F	2027F					
ACB	Banks	4,850	14.8	133.6	17%	17%	6.1	5.2	0	0.0%	35.6%	33,300	MUA
BID	Banks	12,936	18.7	1,643.7	5%	18%	13.9	11.8	0	0.0%	-3.8%	46,100	MUA
CTG	Banks	11,426	21.9	529.7	18%	22%	9.5	7.8	0	0.0%	17.4%	44,900	MUA
MBB	Banks	8,830	34.7	0.2	27%	18%	7.2	6.1	500	1.8%	14.0%	32,500	MUA
STB	Banks	4,749	24.6	729.3	14%	158%	10.5	4.1	0	0.0%	-15.4%	55,400	KQ
VCB	Banks	20,857	28.3	1,951.2	12%	19%	14.9	12.5	800	1.2%	13.3%	73,500	MUA
VPB	Banks	8,834	16.0	451.6	37%	20%	7.5	6.3	500	1.7%	31.3%	38,000	MUA
TCB	Banks	9,880	13.7	0.1	20%	21%	8.3	6.9	1,200	3.3%	23.6%	44,800	MUA
TPB	Banks	1,963	9.3	104.3	9%	11%	6.7	6.0	0	0.0%	-10.3%	16,500	MUA
HDB	Banks	5,381	18.1	223.5	18%	11%	5.1	4.6	1,000	3.6%	-6.3%	26,200	KQ
VIB	Banks	2,265	3.4	5.5	15%	13%	6.6	5.9	0	0.0%	6.9%	18,500	KQ
LPB	Banks	4,946	2.3	208.2	7%	16%	11.9	10.3	1,000	2.3%	-8.7%	39,300	KKQ
F88	Alternative Financing	779	0.4	330.8	40%	28%	20.5	16.0	0	0.0%	-8.7%	168,000	KQ
BVH	Insurance	2,315	3.1	504.4	19%	14%	19.3	17.0	900	1.1%	-29.8%	56,900	KQ
BMI	Insurance	106	0.4	23.2	16%	16%	7.3	6.3	500	2.7%	26.6%	23,100	MUA
SSI	Brokerage	3,104	30.2	2,101.1	9%	9%	17.7	16.2	1,000	3.1%	25.9%	40,800	KQ
VEA	Consumer	1,804	1.0	858.0	-7%	-3%	6.6	6.8	4,820	13.7%	-12.7%	30,800	PHTT
FPT	Consumer	6,087	55.7	834.4	15%	16%	15.1	13.0	2,300	2.5%	25.5%	116,600	MUA
DGW	Consumer	436	8.4	125.7	17%	21%	18.3	15.0	500	1.0%	-11.3%	45,400	PHTT
MWG	Consumer	5,258	30.7	74.9	28%	15%	16.4	14.2	1,000	1.1%	8.5%	101,000	MUA
FRT	Consumer	1,107	5.0	179.9	51%	46%	25.6	17.5	1,000	0.6%	5.8%	178,800	MUA
VNM	Consumer	5,482	19.4	2,723.0	5%	6%	16.2	15.3	4,000	5.9%	3.1%	70,300	MUA
PNJ	Consumer	1,599	13.6	12.7	9%	13%	16.4	14.5	2,000	1.6%	-6.9%	113,500	MUA
MSN	Consumer	4,393	24.8	3,550.6	56%	42%	26.9	18.9	0	0.0%	28.1%	101,200	MUA
MCH	Consumer	7,020	1.1	2,449.3	19%	16%	23.9	20.6	6,000	4.3%	28.9%	181,700	PHTT
SAB	Consumer	2,388	2.4	994.1	1%	1%	13.8	13.6	5,000	10.3%	21.9%	59,000	MUA
QNS	Consumer	700	0.4	283.7	1%	5%	7.1	6.8	4,000	8.1%	7.9%	53,400	KQ
STK	Industrials	84	0.0	68.7	79%	65%	10.4	6.3	0	0.0%	64.5%	25,500	KQ
VHC	Consumer	531	4.9	423.1	15%	19%	7.8	6.5	2,000	3.3%	16.4%	71,600	MUA
VTP	Transport & Logistics	502	3.1	219.2	17%	16%	31.5	27.2	1,500	1.4%	-35.6%	69,000	PHTT
CTR	Consumer	419	2.3	183.0	16%	18%	21.2	18.0	2,000	2.1%	5.4%	100,400	KQ
DHC	Industrials	147	1.2	21.4	11%	19%	9.4	7.9	1,300	3.3%	1.5%	40,100	MUA
PTB	Industrials	179	0.5	14.2	3%	7%	10.0	9.3	2,100	3.6%	-10.2%	52,000	KQ
DGC	Industrials	1,078	9.5	443.4	16%	14%	7.6	6.7	3,000	4.1%	59.9%	118,000	MUA
ACG	Industrials	210	0.0	24.2	11%	16%	9.0	7.8	1,700	4.7%	26.3%	45,800	MUA
KBC	Industrial Parks	1,282	6.4	486.1	72%	29%	11.3	8.7	0	0.0%	20.1%	42,500	MUA
GVR	Industrial Parks	6,154	10.7	752.1	5%	8%	26.2	24.3	400	1.0%	-23.8%	30,500	KQ
PHR	Industrial Parks	329	2.2	119.8	48%	25%	11.7	9.4	1,350	2.1%	6.8%	67,400	KQ
SZC	Industrial Parks	239	2.4	35.9	21%	22%	17.6	14.5	1,000	2.9%	22.9%	42,400	KQ
IDC	Industrial Parks	706	8.1	247.4	17%	17%	9.7	8.3	2,000	4.1%	11.6%	54,000	MUA
SIP	Industrial Parks	579	1.8	268.1	7%	7%	11.6	10.9	2,000	3.2%	12.2%	69,800	MUA
DXG	Real Estate	646	7.8	180.5	62%	342%	34.9	7.9	0	0.0%	58.9%	24,000	MUA

Mã	Ngành	GTVH (triệu USD)	ADTV 30N (triệu USD)	Room NN (triệu USD)	Tăng trưởng EPS		P/E		Cổ túc/CP (VNĐ)	Lợi suất cổ tức (%) theo giá đóng mở	Tỷ lệ tăng (%)	Giá mục tiêu (VNĐ)	Khuyến nghị
Cập nhật 27/02/2026		Hiện tại	Hiện tại	Hiện tại	2026F	2027F	2026F	2027F					
DXS	Real Estate	159	0.5	68.3	24%	31%	8.2	6.3	0	0.0%	89.9%	13,600	MUA
KDH	Real Estate	1,176	6.0	256.5	70%	37%	18.6	13.6	0	0.0%	78.0%	48,500	MUA
NLG	Real Estate	520	3.0	41.0	-20%	23%	19.6	16.0	396	1.4%	871%	52,100	MUA
HDC	Real Estate	161	2.4	76.0	-49%	-38%	13.4	21.7	0	0.0%	17.7%	24,600	KQ
NVL	Real Estate	1,056	2.9	440.8	-	671%	68.7	8.9	0	0.0%	62.6%	20,000	MUA
VIC	Real Estate	50,978	35.0	23,140.4	9%	31%	94.0	72.0	0	0.0%	-39.0%	105,000	BÁN
VHM	Real Estate	17,062	29.2	7,144.3	7%	14%	10.7	9.4	0	0.0%	10.1%	118,900	KQ
VRE	Real Estate	2,539	9.1	974.7	-14%	8%	12.1	11.2	0	0.0%	10.2%	32,000	PHTT
ACV	Transport & Logistics	7,344	4.8	3,444.6	-26%	-9%	24.1	26.4	0	0.0%	21.2%	64,600	KQ
GMD	Transport & Logistics	1,384	7.5	113.7	53%	9%	14.9	13.7	2,300	2.7%	11.3%	93,900	MUA
SCS	Transport & Logistics	209	0.6	43.3	-8%	-23%	7.8	10.1	5,500	9.6%	-10.6%	51,200	PHTT
TLG	Consumer	202	0.6	177.3	14%	16%	8.9	7.7	3,500	6.4%	13.6%	61,900	MUA
REE	Power & Water	1,287	1.3	0.0	17%	38%	11.3	8.2	1,000	1.6%	22.8%	75,900	MUA
HDG	Power & Water	388	1.9	119.6	85%	-13%	8.0	9.2	0	0.0%	35.5%	37,000	KQ
PC1	Power & Water	477	7.7	164.8	12%	44%	11.3	7.9	0	0.0%	1.2%	30,500	MUA
GEX	Power & Water	1,373	14.6	576.5	-6%	72%	26.0	15.1	500	1.3%	36.5%	54,000	MUA
VGC	Industrial Parks	883	4.3	409.6	17%	52%	14.7	9.6	2,200	4.3%	25.2%	64,100	MUA
DPG	Power & Water	215	1.6	68.4	65%	24%	7.2	5.8	1,000	2.1%	3.2%	48,700	MUA
TV2	Power & Water	105	1.2	7.6	186%	48%	16.0	10.8	1,000	2.5%	9.1%	43,900	MUA
PPC	Power & Water	125	0.1	56.3	99%	59%	10.0	6.3	500	5.0%	8.9%	11,000	KQ
QTP	Power & Water	220	0.1	0.0	-34%	17%	8.7	7.4	1,000	7.9%	15.0%	14,600	MUA
NT2	Power & Water	307	1.4	111.5	10%	-18%	7.5	9.2	2,500	9.0%	9.2%	30,300	MUA
POW	Power & Water	1,711	8.0	701.0	-22%	45%	23.4	16.1	0	0.0%	-1.4%	14,300	KQ
BWE	Power & Water	378	0.3	170.4	11%	51%	10.8	7.1	1,300	2.9%	31.3%	58,700	MUA
TDM	Power & Water	248	0.0	120.8	7%	10%	31.3	28.5	1,500	2.6%	12.6%	65,300	KQ
GAS	Oil & Gas	10,014	15.1	4,676.2	18%	22%	19.7	16.1	2,500	2.3%	-9.0%	98,200	PHTT
PVD	Oil & Gas	825	13.5	300.7	24%	60%	19.4	12.1	0	0.0%	-7.8%	35,600	MUA
PVS	Oil & Gas	932	18.4	303.4	4%	18%	15.9	13.5	0	0.0%	22.6%	58,100	MUA
PVT	Oil & Gas	435	5.3	166.9	12%	25%	10.2	8.2	0	0.0%	0.2%	24,100	KQ
OIL	Oil & Gas	764	6.2	46.2	38%	12%	42.4	37.7	100	0.5%	-33.9%	12,700	KQ
PLX	Oil & Gas	2,825	16.7	133.9	19%	47%	25.1	17.1	1,200	2.1%	-28.9%	41,100	MUA
PLC	Oil & Gas	103	1.6	49.5	1760%	12%	10.6	9.5	1,000	3.0%	-3.9%	31,900	MUA
BSR	Oil & Gas	6,009	21.9	2,813.8	-24%	7%	39.8	37.3	0	0.0%	-60.3%	12,400	BÁN
DPM	Oil & Gas	722	7.7	321.5	13%	28%	18.6	14.5	1,200	4.3%	-8.3%	25,300	KQ
DCM	Oil & Gas	875	7.1	379.8	23%	6%	10.5	9.9	2,000	4.7%	-3.1%	41,600	MUA
HPG	Materials	8,502	54.4	2,263.9	36%	24%	10.5	8.5	800	2.8%	24.0%	35,700	MUA
HSG	Materials	386	2.3	171.8	18%	43%	17.1	12.0	500	3.1%	-16.4%	13,500	PHTT
BMP	Materials	499	0.7	80.9	6%	-4%	9.3	9.6	16,000	10.1%	21.5%	192,500	MUA
NKG	Materials	272	3.2	120.9	35%	65%	12.2	7.4	0	0.0%	-17.1%	13,100	PHTT
AST	Transport & Logistics	131	0.0	4.8	19%	17%	13.2	11.3	3,500	4.6%	6.8%	80,600	MUA
HVN	Transport & Logistics	3,303	1.2	705.2	-28%	9%	9.9	9.1	0	0.0%	34.4%	37,100	KQ
VJC	Transport & Logistics	4,000	8.8	938.6	29%	-	19.7	-	0	0.0%	-35.2%	114,000	KQ

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Chúng tôi, Đào Minh Quang và Hoàng Thúy Lương, xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (**giá mục tiêu - giá hiện tại**)/**giá hiện tại** và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu, nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Liên hệ

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Vietcap

vietcap.com.vn
vietcap.com.vn

Trụ Sở Chính (1): Bitexco

Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, 2 Hải Triều,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh
(+84) 28 3914 3588

Trụ Sở Chính (2): Nguyễn Huệ

Tầng 3, Tòa nhà Vinatex - Tài Nguyên, 10 Nguyễn
Huệ, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh
(+84) 2 8888 2 6868

Phòng Giao Dịch Hàm Nghi

Tầng 16, Tòa nhà Doji, số 81-83-83B-85 Hàm
Nghi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
(+84) 2 8888 2 6868

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 6, tòa nhà số 109 Phố Trần Hưng Đạo,
Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội.
(+84) 24 6262 6999

Phòng Giao Dịch Mỹ Đình

SAPA09 Tòa A - Chung cư cao tầng HH2-1 (The
Matrix One), Phường Tử Liêm, Thành phố Hà
Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
(+84) 2 8888 2 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team

research@vietcap.com.vn
+84 28 3914 3588

Hoàng Nam, Head of Research, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Banks, Securities and Insurance

- Huỳnh Thị Hồng Ngọc, Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

Macro

Hoàng Thúy Lương, Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Consumer

Hoàng Nam, Giám đốc, ext 124

- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Oil & Gas and Power

Đinh Thị Thùy Dương, Phó Giám đốc, ext 140

- Đỗ Công Tuấn Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 181
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Real Estate

Lưu Bích Hồng, Trưởng phòng cao cấp, ext 120

- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Industrials and Infrastructure

Nguyễn Thảo Vy, Trưởng phòng cao cấp, ext 147

- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191

Retail Client Research

Vũ Minh Đức, Phó Giám đốc, ext 363

- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán - Khách hàng tổ chức

Anthony Le

Giám đốc

Phòng Giao dịch Chứng Khoán - Khách hàng tổ chức

+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh

Giám đốc điều hành

Phòng Tư Vấn Đầu Tư

+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn